



# Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

Bởi:

Khoa CNTT ĐHSP KT Hưng Yên

## Mục tiêu của chương:

- Giúp học viên hiểu rõ hơn về ý nghĩa của việc dùng kiểu (style)
- Tra cứu thành thạo các thuộc tính trong bảng đánh sách kiểu
- Vận dụng các thuộc tính (kiểu) để định dạng cho các phần tử trong trang web, nâng cao tính thẩm mỹ.

## Nội dung:

### Nhắc lại khái niệm về kiểu

Kiểu (style) thực chất là một cách định nghĩa thuộc tính cho các phần tử trong trang web theo một cách thức mới.

Việc định nghĩa các thuộc tính này cho các phần tử sẽ cho ta một "dáng vẻ mới", một "diện mạo mới" về trang web. Ngoài ra, việc định nghĩa thuộc tính theo cú pháp mới này sẽ làm tiền đề cho việc xây dựng các trang web động mà ta sẽ đề cập trong các chương tiếp theo.

*Ví dụ:* Trước đây, để định nghĩa một đoạn văn bản nằm trong thẻ <P> có font chữ là .vntime, chúng ta sẽ viết như sau:

```
<P <FONT face=.VnTime>Dòng văn bản này có font chữ là .vntime</Font></p>
```

Nhưng với cách định dạng mới theo cú pháp mà ta gọi là cú pháp CSS, thì có thể thực hiện yêu cầu trên như sau:

```
<P style="font-family:.vntime">Dòng văn bản này có font chữ là .vntime </P>
```

## Minh hoạ cách khai báo style

Trong JavaScript, bạn có thể thiết lập các thuộc tính cho một thẻ nào đó theo rất nhiều cách. Dưới đây xin giới thiệu 3 cách thiết lập thuộc tính cho thẻ, đó là :

- Thiết lập (Định nghĩa) thuộc tính ngay trong khi định nghĩa thẻ (tag), kiểu này còn gọi là định nghĩa kiểu ở mức dòng (style line)
- Thiết lập thuộc tính cho toàn bộ một loại thẻ nào đó. Cách này còn gọi là định nghĩa bộ chọn
- Định nghĩa một lớp, sau đó có thể đem ra sử dụng cho bất kỳ phần tử nào
- Định nghĩa bộ chọn ID, cho phép áp dụng tất cả các thuộc tính của bộ chọn vào tất cả các thẻ có thuộc tính ID phù hợp với mã ID trong định nghĩa.

### Style áp dụng ở mức dòng (Inline style)

Style mức dòng (inline style) cho phép bạn có thể thay đổi hình thức (style) của một phần tử nào đó bằng cách thêm các thuộc tính định dạng trực tiếp vào ngay bên trong định nghĩa của thẻ.

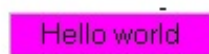
Một số ví dụ minh hoạ

*Vi dụ 1:* Để tạo một dòng văn bản với thẻ <P>; có màu chữ là đỏ, bạn có thể viết như sau:

<P style = "color:blue"> Màu này là màu của hoà bình <P>. Kết quả cho ta :

Màu này là màu của hoà bình

*Vi dụ 2 :* Để tạo một một button (Nút nhấn) có màu nền là tím (magenta), bạn viết: <input type="button" style="background-color:magenta" value="Hello world"> Kết quả :



*Vi dụ 3:* Tạo một nút nhấn (Button), trong đó, khi người dùng đưa chuột đến nút đó thì con trỏ chuột có hình bàn tay

Thuộc tính qui định chuột có kiểu hình bàn tay là "cursor:hand", do vậy cần thêm thuộc tính này trong định nghĩa thẻ <Input type = button style = "cursor:hand" value="Chuột hình bàn tay "> Ta đọc kết quả (Bạn di chuột vào nút này):

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

*Ví dụ 4* : Tạo một textbox có viền màu đỏ Thuộc tính tạo viền màu đỏ là : "background-border:red", do vậy bạn cần đặt vào trong định nghĩa thẻ text như sau: <input type="text" style="border-color:red" value="viền màu đỏ"> Kết quả cho ta một textbox có viền màu đỏ:

viền màu đỏ

Nhận xét :

ã Trong các ví dụ ở trên, chúng ta có thể thiết lập một số thuộc tính của bất kỳ phần tử nào bằng cách đưa vào dòng **style = "Tên thuộc tính:Giá trị của thuộc tính"** Trong đó, Cặp tên thuộc tính : Giá trị của thuộc tính các bạn có thể tra trong [bảng các thuộc tính](#). đợc đặt trên th mục của máy chủ.

ã Có thể đưa vào một hoặc nhiều thuộc tính trong biểu thức style="...." , khi đưa nhiều thuộc tính thì các thuộc tính cách nhau bởi dấu chấm phẩy ";"

*Ví dụ 5*: Tạo một nút nhấn có màu nền là tím (magenta) và màu chữ là trắng (white) Thuộc tính qui định màu nền tím là "**background-color:magenta**", Còn thuộc tính qui định màu chữ trắng là "**color:white**" Như vậy cần định nghĩa thẻ là : <input type="button" style="background-color:magenta; color:white" value="Nền tím- chữ trắng"> Kết quả :

Nền tím- chữ trắng

Ví dụ 6: Thiết lập ảnh nền của trang Web là anh1.jpg, và ảnh này hiển thị ở vị trí cố định (Tức là nếu bạn có cuộn thanh cuộn của cửa sổ thì ảnh này sẽ không bị cuộn theo mà vẫn đứng yên).

Biết rằng thuộc tính đưa ảnh nền vào trang web như sau:

```
background-image:url( '<Đường dẫn và tên file ảnh> ')
```

Thuộc tính để ảnh ở vị trí cố định là :

```
background-attachment:fixed
```

Lưu ý: đặc tính ảnh cố định chỉ có trong IE, không có trong Netscape

Như vậy, yêu cầu trên có thể thực hiện như sau:

Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

```
<body style="background-image:url('anh1.jpg'); background-attachment:fixed; color:white; font-family:arial">
```

[Click vào đây để xem minh họa](#) (Bạn phải đảm bảo là mở trong trình duyệt IE)

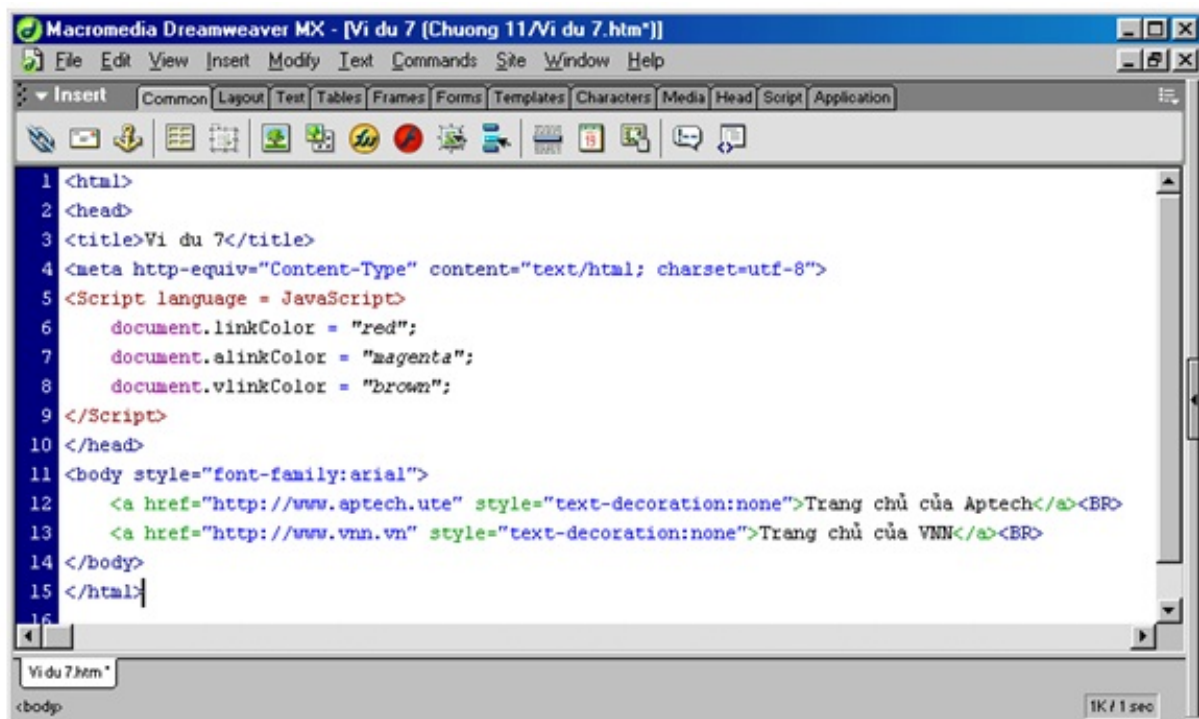
Ví dụ 7: Tạo các liên kết đến các trang <http://www.aptech.ute>, <http://www.vnn.vn>, nhưng các liên kết này không có đường gạch chân và có các thuộc tính như sau:

- Màu chữ : Đỏ (red)
- Màu nền : lavender
- Màu khi chuột click vào liên kết : tím (magenta)
- Màu khi trang đó đã được thăm : nâu (brown)

Hướng dẫn:

- Thuộc tính qui định màu chữ của liên kết là: linkColor, thuộc đối tượng document
- Thuộc tính qui định màu nền của văn bản trong một thẻ : background-color (CSS)
- Thuộc tính qui định của liên kết khi bị click chuột : alinkColor, thuộc document
- Thuộc tính qui định màu của liên kết đã được thăm: vlinkColor, thuộc document

Minh họa (Soạn trong Dreamweaver):



```
1 <html>
2 <head>
3 <title>Vi dụ 7</title>
4 <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">
5 <Script language = JavaScript>
6     document.linkColor = "red";
7     document.alinkColor = "magenta";
8     document.vlinkColor = "brown";
9 </Script>
10 </head>
11 <body style="font-family:arial">
12     <a href="http://www.aptech.ute" style="text-decoration:none">Trang chủ của Aptech</a><BR>
13     <a href="http://www.vnn.vn" style="text-decoration:none">Trang chủ của VNN</a><BR>
14 </body>
15 </html>
```

Định nghĩa style ở mức dòng

### Bộ chọn HTML

Bộ chọn HTML cho phép chúng ta chỉ cần định nghĩa các thuộc tính một lần duy nhất cho một loại thẻ HTML nào đó (Ví dụ P, INPUT, H1, H2 ...), và về sau tất cả các văn bản nằm trong loại thẻ này sẽ có cùng định dạng như nhau. Điều này rất có lợi cho ta trong thực tế, chẳng hạn khi bạn tạo một website cho một cuốn sách nào đó mà trong cuốn sách này lại có rất nhiều chương và bạn muốn màu sắc, kích cỡ, font chữ, kiểu dáng... cho tiêu đề các chương là như nhau, thì bạn chỉ cần định nghĩa một lần và về sau tiêu đề các chương sẽ có cùng định dạng giống như nhau.

Việc chúng ta tạo ra các tính chất chung cho một loại thẻ nào đó thì ta gọi là một bộ chọn (Selector) HTML

Để định nghĩa ra một bộ chọn HTML, ta có 2 cách, bạn có thể tùy ý chọn một trong 2 cách này. Cách thứ nhất là ta viết theo một dạng cú pháp mà ta gọi là cú pháp dạng CSS, dạng thứ hai là ta viết theo cú pháp của JavaScript.

Cú pháp để tạo bộ chọn theo CSS như sau:

```
<Style type = "text/CSS">  
  
<Tên thẻ HTML> { <Tên thuộc tính> : <Giá trị> }  
  
<Tên thẻ HTML> { <Tên thuộc tính> : <Giá trị> }  
  
<Tên thẻ HTML> { <Tên thuộc tính> : <Giá trị> }  
  
.....  
  
</Style>
```

Trong đó:

- <Tên thẻ HTML> là một trong các thẻ mà bạn đã học, ví dụ nó có thể là thẻ P, INPUT, LI, UL, B, H1, H2 v.v...
- *Tên thuộc tính* : Là tên của thuộc tính của loại thẻ mà bạn muốn thay đổi . Nó có thể là color, background-color, cursor, text-align v.v... Tên các thuộc tính này các bạn có thể tra trong bảng (File [Cac the su dung trong CSS.doc](#)" nằm trong thư mục tài liệu về JavaScript của máy Server)
- *Giá trị*: Là giá trị mới mà bạn muốn đặt cho thuộc tính. Ví dụ, "red", "lavender", "hand", "center" v.v.... Để có thể đặt giá trị cho hợp lệ, bạn tham khảo trong file: [\[link\]Cac the su dung trong CSS.doc](#)" trong server.

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

Sau khi đã định nghĩa tên của một loại thẻ với các thuộc tính của nó, thì tất cả các thẻ cùng loại về sau sẽ có tất cả các thuộc tính như đã định nghĩa. Để làm sáng tỏ điều này, chúng ta hãy lấy một số ví dụ :

**Ví dụ 1:** Giả sử bạn cần tạo một danh mục các đầu sách của Apteck, theo định dạng dưới đây

KNOW YOUR DESKTOP

Office 2000

Access 2000

Logic Building with C

HTML, DHTML and JavaScript

Dream Weaver

Một cách thông thường nhất, với các kiến thức ở những phần trước, bạn hoàn toàn có thể tạo được bằng cách viết như sau :

```
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"> Know Your desktop </p>
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red "> Office 2000 </p>
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"> Access 2000 </p>
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"> Logic Building with C </p>
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"> HTML, DHTML and JavaScript</p>
<P style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"> Dream Weaver</p>
```

Tuy nhiên nếu theo cách ở trên thì chúng ta dễ dàng thấy có một điểm chưa được thuận tiện, đó là mỗi khi thêm tên một loại sách chúng ta cần phải thêm trong thẻ P dòng:

**<style="font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red"**.

Trong trường hợp này, Bằng cách định ra một qui tắc (Định dạng) chung cho tất cả các thẻ P ta có thể có kết quả như mong đợi mà không phải viết lại các dòng dư thừa như ở trên. Việc định ra qui tắc chung cho thẻ P ta gọi là định nghĩa bộ chọn P.

áp dụng cú pháp định nghĩa bộ chọn theo dạng CSS để định nghĩa bộ chọn P như sau:

Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

```
<style type = "text/css">
```

```
P {font-family:.vntimeH}
```

```
P {font-size:20pt}
```

```
P {color:red}
```

```
</style>
```

Hoặc định nghĩa một cách ngắn gọn :

```
<style type = "text/css">
```

```
P {font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red}
```

```
</style>
```

## PHỤ LỤC : BẢNG TRA CỨU CÁC THUỘC TÍNH CỦA CSS

Thuộc tính	Các giá trị hợp lệ	Ví dụ
<b>font-family</b>	[Tên font hoặc kiểu]	font-family: Verdana, Arial;
<b>font-style</b>	normal hoặc italic	font-style:italic;
<b>font-variant</b>	normal hoặc small-caps	font-variant:small-caps;
<b>font-weight</b>	normal ho bold	font-weight:bold;
<b>font-size</b>	[ xx-large   x-large   large   medium   small   x-small   xx-small ]   [ larger   smaller ]   <i>phần trăm</i> hoặc <i>length</i>	font-size:12pt;
<b>font</b>	[ font-style    font-variant    font-weight ] ? font-size [ / line-height ] ? font-family	font: bold 12pt Arial;

*Các thuộc tính áp dụng cho Font chữ*



Thuộc tính	Các giá trị hợp lệ	Ví dụ
<b>color</b>	<i>Màu</i>	color: red
<b>background-color</b>	<i>Màu</i> hoặc transparent	background-color: yellow
<b>background-image</b>	Địa chỉ (url) hoặc Không đặt gì	background-image: url(house.jpg)
<b>background-repeat</b>	repeat   repeat-x   repeat-y   no-repeat	background-repeat: no-repeat
<b>background-attachment</b>	scroll hoặc fixed	background-attachment: fixed
<b>background-position</b>	[ position   length ]   {1,2}   [ top   center   bottom ]    [ left   center   right ]	background-position: top center
<b>background</b>	transparent   color    url    repeat    scroll    position	background: silver url(house.jpg) repeat-y

*Các thuộc tính màu và nền (Color and background properties)*

\* Lưu ý: Các giá trị in nghiêng khi sử dụng bạn phải thay bằng giá trị cụ thể, ví dụ viết phần trăm hay length thì bạn phải thay các giá trị dạng phần trăm, ví dụ 50% đối với thuộc tính phần trăm (percentage) và 10, 20 ... cho thuộc tính length.

Các thuộc tính áp dụng cho Text

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ
letter-spacing	normal   length	letter-spacing:5pt
text-decoration	none   underline   overline   line-through	text-decoration:underline
vertical-align	sub   super	vertical-align:sub
text-transform	capitalize   uppercase   lowercase   none	text-transform:lowercase
text-align	left   right   center   justify	text-align:center
text-indent	length   percentage	text-indent:25px
line-height	normal   number   length   percentage	line-height:15pt



Các thuộc tính áp dụng cho các ô trong một bảng

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ
margin-top	length   percentage   auto	margin-top:5px
margin-right	length   percentage   auto	margin-right:5px
margin-bottom	length   percentage   auto	margin-bottom: 1em
margin-left	length   percentage   auto	margin-left:5pt
margin	length   percentage   auto {1,4}	margin: 10px 5px 10px 5px
padding-top	length   percentage	padding-top:10%
padding-right	length   percentage	padding-right:15px
padding-bottom	length   percentage	padding-bottom:1.2em
padding-left	length   percentage	padding-left:10pt; }
padding	length   percentage {1,4}	padding: 10px 10px 10px 15px
border-top-width	thin   medium   thick   length	border-top-width:thin
border-right-width	thin   medium   thick   length	border-right-width:medium
border-bottom-width	thin   medium   thick   length	border-bottom-width:thick
border-left-width	thin   medium   thick   length	border-left-width:15px
border-width	thin   medium   thick   length {1,4}	border-width: 3px 5px 3px 5px
border-top-color	color	border-top-color:navajowhite
border-right-color	color	border-right-color:whitesmoke
border-bottom-color	color	border-bottom-color:black
border-left-color	color	border-left-color:#C0C0C0

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

border-color	color {1,4}	border-color: green red white blue; }
border-top-style	none   solid   double   groove   ridge   inset   outset	border-top-style:solid
border-right-style	none   solid   double   groove   ridge   inset   outset	border-right-style:double
border-bottom-style	none   solid   double   groove   ridge   inset   outset	border-bottom-style:groove
border-left-style	none   solid   double   groove   ridge   inset   outset	border-left-style:none
border-style	none   solid   double   groove   ridge   inset   outset	border-style:ridge; }
border-top	border-width   border-style   border-color	border-top: medium outset red
border-right	border-width   border-style   border-color	border-right: thick inset maroon
border-bottom	border-width   border-style   border-color	border-bottom: 10px ridge gray
border-left	border-width   border-style   border-color	border-left: 1px groove red
border	border-width   border-style   border-color	border: thin solid blue
float	none   left   right	float:none
clear	none   left   right   both	clear:left

### Các thuộc tính phân loại - classification Properties

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ
display	none   block   inline   list-item	display:none
list-style-type	disk   circle   square   decimal   lower-roman   upper-roman   lower-alpha   upper-alpha   none	list-style-type:upper-alpha

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

list-style-image	url   none	list-style-image:url(icFile.gif)
list-style-position	inside   outside	list-style-position:inside
list-style	keyword    position    url	list-style: square outside url(icFolder.gif)

### Các thuộc tính định vị trí cho các phần tử

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ	Có thể áp dụng cho
clip	Toạ độ của một hình chữ nhật  auto	clip:rect(0px 200px 200px 0px)	tất cả các phần tử (all elements)
height	length   auto	height:200px	DIV, SPAN và các ptử bị thay thế
left	length   percentage   auto	left:0px	Các phần tử được định vị tuyệt đối và tương đối
overflow	visible   hidden   scroll   auto	overflow:scroll	tất cả các phần tử
position	absolute  relative   static	position:absolute	tất cả các phần tử
top	length   percentage   auto	top:0px	Các phần tử được định vị tuyệt đối và tương đối
visibility	visible   hidden   inherit	visibility:visible	tất cả các phần tử
width	length   percentage   auto	width:80%	DIV, SPAN and replaced elements
z-index	auto   integer	z-index:-1	Các phần tử được định vị tuyệt đối và tương đối

### Thuộc tính liên quan đến in ấn - Printing Properties

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ
page-break-before	auto   always    left   right	page-break-before:always

page-break-after	auto   always    left   right	page-break-before:auto
------------------	-------------------------------	------------------------

### Pseudo Classes

Thuộc tính	Giá trị hợp lệ	Ví dụ
cursor	auto   crosshair   default   hand   move   e-resize   ne-resize   nw-resize   n-resize   se-resize   sw-resize   s-resize   w-resize   text   wait   help	{ cursor:hand; }
active, hover, link, visited	n/a	a:hover { color:red; }
first-letter, first-line	any font manipulating declaration	p:first-letter {float:left;color:blue}.

Một số ví dụ áp dụng:

**Ví dụ 1:** Tạo một dòng văn bản “Welcome to CSS” có font chữ là Arial, in nghiêng và kích thước font chữ là 16 point.

```
<HTML>
```

```
<HEAD> </HEADS>
```

```
<BODY>
```

```
<P style=“font-family:arial; font-style:italic; font-size:16pt”>Welcome to </P>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

[<Xem kết quả>](#)

**Ví dụ 2:** Tạo một textbox với màu nền là màu tím (magenta).

```
<HTML>
```

Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

```
<HEAD> </HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<input type = text style = "background-color:magenta">
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

[<Xem kết quả>](#)

**Ví dụ 3:** Đặt 3 file ảnh nền tương ứng vào tài liệu, vào textbox và vào textarea

```
<HTML>
```

```
<HEAD> </HEAD>
```

```
<BODY style="background-image:url('anh1.jpg');background-repeat:no-repeat">
```

```
<input style = "background-image:url('anh2.jpg');background-repeat:repeat-x; width:100%">
```

```
<P>
```

```
<textarea style = "background-image:url('anh3.jpg');background-repeat:repeat-y" cols = 80 rows = 25>
```

```
</textarea>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

[<Xem kết quả>](#)

\*Ghi chú:

-Khi ta đặt là repeat-x thì ta có một dãy ảnh được xếp liên tiếp theo chiều ngang

-Khi ta đặt là repeat-y thì ta có một dãy ảnh được xếp liên tiếp theo chiều dọc

**Ví dụ 4:** Tạo một dòng văn bản, chứa xâu: "Trang chu của HY-Aptech", trong đó từ "Trang chu" có màu xanh (blue) và khi người dùng di chuyển chuột đến chữ "Trang

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

chu" thì chuột chuyển thành hình bàn tay, và khi chuột click lên chữ này thì trang <http://www.aptech.ute> sẽ được mở.

```
<HTML>
```

```
<HEAD> </HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<TITLE>Tạo liên kết và xử lý sự kiện</TITLE>
```

```
<font style="cursor:hand;color:blue" onclick="window.open('http://www.aptech.ute');">Trang chu</font> của HY-Aptech
```

```
</BODY>
```

```
</HTML> ==> Xem kết quả
```

*Ghi chú:* Khi muốn áp dụng các kiểu cho một số phần tử các bạn chỉ cần viết : style="Tên\_Thuộc\_tính : Giá\_Trị;" trong định nghĩa thẻ. Trong đó cặp "Tên\_Thuộc\_tính : Giá\_Trị;" có thể viết như cột ví dụ đã chỉ ra ở các bảng trên.

Nội dung trang Web của chúng ta bây giờ sẽ là:

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<title>Su dung bo chon</title>
```

```
</head>
```

```
<style type = "text/css">
```

```
P {font-family:.vntimeH; font-size:20pt; color:red}
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<P>Know Your desktop </P>
```

```
<P>Office 2000 </P>
```

## Định dạng các phần tử HTML bằng CSS

<P>Access 2000 </P>

<P>Logic Building with C </P>

<P>HTML, DHTML and JavaScript</P>

<P>Dream Weaver</P>

</body>

</html>